

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 629/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Ông **Hắc N**, sinh năm 1991; căn cước số: 046091012010; địa chỉ: Số E N, phường A, thành phố H.

- Bà **Võ Thị Mỹ L**, sinh năm 1992; căn cước số: 046192005664; địa chỉ: Số E N, phường A, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hắc N và bà Võ Thị Mỹ L tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2014 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H). Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại 5 N, phường A, thành phố H. Thời gian đầu mới kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận. Sau một khoảng thời gian chung sống với nhau, hiện nay, vợ chồng sống không hạnh phúc, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Ông, bà đã không còn chung sống với nhau từ tháng 04 năm 2023. Nay, vợ chồng ông, bà không còn tình cảm gì với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông, bà làm đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của ông Hắc N và bà Võ Thị Mỹ L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Hắc N và bà Võ Thị Mỹ L.

[2]. Về con chung: Ông Hắc N và bà Võ Thị Mỹ L có 02 (hai) con chung là cháu H Vũ Tuấn A, sinh ngày 19/8/2011 và cháu Hắc Vũ Ý N1, sinh ngày 28/11/2016. Ông Hắc N và bà Võ Thị Mỹ L thỏa thuận về con chung như sau: Giao cháu H Vũ Ý N1 cho bà Võ Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo

dục đến khi cháu N1 thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cháu H Vũ Tuấn A cho ông Hắc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Tuấn A thành niên (đủ 18 tuổi); không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Hắc N và bà Võ Thị Mỹ L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 300.000 đồng mà ông, bà đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000480 ngày 07/8/2026 của Thi hành án Dân sự thành phố H. Ông Hắc N và bà Võ Thị Mỹ L đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hắc N và bà Võ Thị Mỹ L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Hắc N và bà Võ Thị Mỹ L có 02 con chung là: cháu Hắc Vũ Tuấn A, sinh ngày 19/8/2011 và cháu Hắc Vũ Ý N1, sinh ngày 28/11/2016.

Giao cháu H Vũ Ý N1 cho bà Võ Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu N1 thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cháu H Vũ Tuấn A cho ông Hắc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Tuấn A thành niên (đủ 18 tuổi); không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ về tài sản (nợ) chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Hắc N và bà Võ Thị Mỹ L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 300.000 đồng mà ông, bà đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000480 ngày 07/8/2026 của Thi hành án Dân sự thành phố H. Ông Hắc N và bà Võ Thị Mỹ L đã nộp đủ.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- Dương sự;
- VKSND Khu vực 1-Huế;
- UBND phường An Cựu
(GCNKH số 64 ngày 21/5/2014,
UBND phường An Cựu cũ);
- THADS thành phố Huế;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Vũ Tiến